

Số: 82/QĐ-THHTM

Cẩm Phả, ngày 03 tháng 05 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai xét duyệt quyết toán ngân sách năm 2024

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG TH HỒ TÙNG MẬU

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của BTC về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông báo số 437/TB-PGDĐT ngày 24/4/2025 của phòng Giáo dục và Đào tạo Cẩm Phả Về việc xét duyệt quyết toán ngân sách năm 2024 của trường TH Hồ Tùng Mậu;

Xét đề nghị của bộ phận kế toán.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu xét duyệt quyết toán ngân sách năm 2024 của trường TH Hồ Tùng Mậu (theo thông báo đính kèm)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Bà: Phó hiệu trưởng, chủ tịch công đoàn, thư ký. Trưởng các tổ, bộ phận chuyên môn thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3
- Lưu: VT,.

HIỆU TRƯỞNG

Đinh Thị Thuỷ

Đơn vị: Trường TH Hồ Tùng Mậu

Chương: 622

QUYẾT TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số 82/QĐ- THHTM ngày 03/05/2025 của trường TH Hồ Tùng Mậu)

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị
dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

ĐV tính: đồng

Số TT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch	Số quyết toán được duyệt chi tiết từng đơn vị trực thuộc (nếu có đơn vị trực thuộc)
1	2	3	4	5=4-3	6
A	Quyết toán thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí				
I	Số thu phí, lệ phí				
1	Lệ phí				
	Lệ phí...				
	Lệ phí...				
2	Phí				
	Phí ...				
	Phí ...				
II	Chi từ nguồn thu phí được khấu trừ hoặc để lại				
I	Chi sự nghiệp.....				
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
2	Chi quản lý hành chính				
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước				
I	Lệ phí				
	Lệ phí...				
	Lệ phí...				
2	Phí				
	Phí ...				
	Phí ...				
B	Quyết toán chi ngân sách nhà nước	6.773.359.921	6.773.359.921	0	
I	Nguồn ngân sách trong nước	6.773.359.921	6.773.359.921	0	
1	Chi quản lý hành chính				
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở				
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng				
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				

Số TT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch	Số quyết toán được duyệt chi tiết từng đơn vị trực thuộc (nếu có đơn vị trực thuộc)
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	6.773.359.921	6.773.359.921	0	
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên (13)	5.688.481.300	5.688.481.300		
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên (12)	942.948.621	942.948.621		
3.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên (18)	141.930.000	141.930.000		
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
5	Chi bảo đảm xã hội				
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
6	Chi hoạt động kinh tế				
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
8.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
8.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
9.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
9.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
10.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
10.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
II	Nguồn vốn viện trợ				
1	Chi quản lý hành chính				
1.1	Dự án A				
1.2	Dự án B				
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				
2.1	Dự án A				
2.2	Dự án B				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề				
3.1	Dự án A				
3.2	Dự án B				
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
4.1	Dự án A				
4.2	Dự án B				
5	Chi bảo đảm xã hội				
5.1	Dự án A				
5.2	Dự án B				
6	Chi hoạt động kinh tế				
6.1	Dự án A				
6.2	Dự án B				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
7.1	Dự án A				
7.2	Dự án B				

Số TT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch	Số quyết toán được duyệt chi tiết từng đơn vị trực thuộc (nếu có đơn vị trực thuộc)
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
8.1	Dự án A				
8.2	Dự án B				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
9.1	Dự án A				
9.2	Dự án B				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
10.1	Dự án A				
10.2	Dự án B				
III	Nguồn vay nợ nước ngoài				
1	Chi quản lý hành chính				
1.1	Dự án A				
1.2	Dự án B				
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				
2.1	Dự án A				
2.2	Dự án B				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề				
3.1	Dự án A				
3.2	Dự án B				
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
4.1	Dự án A				
4.2	Dự án B				
5	Chi bảo đảm xã hội				
5.1	Dự án A				
5.2	Dự án B				
6	Chi hoạt động kinh tế				
6.1	Dự án A				
6.2	Dự án B				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
7.1	Dự án A				
7.2	Dự án B				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
8.1	Dự án A				
8.2	Dự án B				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
9.1	Dự án A				
9.2	Dự án B				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
10.1	Dự án A				
10.2	Dự án B				

Số: 437/TB-PGDĐT

Cẩm Phả, ngày 24 tháng 4 năm 2025

THÔNG BÁO

Xét duyệt quyết toán ngân sách năm 2024

Đơn vị được thông báo: Trường Tiểu học Hồ Tùng Mậu

Căn cứ Thông tư số 137/2017/TT-BTC ngày 25 tháng 12 năm 2017 của Bộ Tài chính quy định xét duyệt, thẩm định, thông báo và tổng hợp quyết toán năm;

Căn cứ báo cáo quyết toán ngân sách năm 2024 của Trường Tiểu học Hồ Tùng Mậu và biên bản xét duyệt quyết toán ngày 25/3/2025 giữa Phòng Giáo dục và Đào tạo và Trường Tiểu học Hồ Tùng Mậu;

Phòng Giáo dục và Đào tạo thông báo xét duyệt quyết toán ngân sách năm 2024 của Trường Tiểu học Hồ Tùng Mậu như sau:

I. Phần số liệu:

1. Số liệu quyết toán:

a) Thu phí, lệ phí

- Tổng số thu trong năm:
- Số phải nộp ngân sách nhà nước:
- Số phí được khấu trừ, để lại:

(Số liệu chi tiết theo Mẫu biểu 2a).

b) Quyết toán chi ngân sách:

- Số dư kinh phí năm trước chuyển sang	5.754.000
- Dự toán được giao trong năm	6.850.722.300
Trong đó: + Dự toán giao đầu năm:	5.000.015.000
+ Dự toán bổ sung trong năm:	1.850.707.300
- Kinh phí thực nhận trong năm:	6.856.476.300
- Kinh phí quyết toán:	6.856.476.300
- Kinh phí giảm trong năm:	83.116.379
- Số dư kinh phí được chuyển sang năm sau sử dụng và quyết toán:	0
Bao gồm: + Kinh phí đã nhận:	0
+ Dự toán còn dư ở Kho bạc:	

2. Tình hình thực hiện kiến nghị của kiểm toán, thanh tra, cơ quan tài chính

- Tổng số kinh phí phải nộp NSNN:
- Tổng số kinh phí đã nộp NSNN:
- Tổng số kinh phí còn phải nộp NSNN:

(Số liệu chi tiết theo Mẫu biểu số 69 Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư số 342/2016/TT-BTC)

3. Thuyết minh số liệu quyết toán:

a) Tình hình người lao động:

- Lao động có mặt tại thời điểm báo cáo:	26
+ Công chức, viên chức (số lượng vị trí việc làm):	26
+ Lao động hợp đồng theo ND111/2022/ND-CP:	
- Tăng trong năm:	01
+ Công chức, viên chức (số lượng vị trí việc làm):	01
+ Lao động hợp đồng theo ND111/2022/ND-CP:	
- Giảm trong năm:	03
+ Công chức, viên chức (số lượng vị trí việc làm):	03
+ Lao động hợp đồng theo ND111/2022/ND-CP:	

b) Tình hình sử dụng NSNN trong năm:

Nội dung	Năm trước chuyển sang	Dự toán được sử dụng trong năm	Kinh phí thực nhận trong năm	Số đã sử dụng trong năm	Kinh phí giảm trong năm	Kinh phí chuyển sang năm sau
Tổng cộng	5.754.000	6.856.476.300	6.773.359.921	6.773.359.921	83.116.379	0
- Kinh phí tự chủ:		5.733.049.300	5.688.481.300	5.688.481.300	44.568.000	
- Kinh phí không tự chủ:	5.754.000	1.123.427.000	1.084.878.621	1.084.878.621	38.548.379	0
Kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ đối với học sinh		14.550.000	14.550.000	14.550.000	0	
Kinh phí thực hiện chế độ chính sách đối với giáo viên		196.818.000	182.859.579	182.859.579	13.958.421	
Kinh phí hoạt động chung		113.201.000	113.200.913	113.200.913	87	
Kinh phí mua sắm thiết bị dạy học tối thiểu năm 2023	5.754.000					
Kinh phí SCTX, bổ sung TTB trường, lớp học trong các cơ sở GD công lập		45.200.000	42.940.000	42.940.000	2.260.000	
Kinh phí mua sắm phân tán thiết bị dạy học tối thiểu năm 2024		15.548.000	14.767.070	14.767.070	780.930	
Kinh phí hỗ trợ chênh lệch mức thu học phí năm học 2023-2024 so với mức thu học phí của năm 2021-2022					0	

Nội dung	Năm trước chuyển sang	Dự toán được sử dụng trong năm	Kinh phí thực nhận trong năm	Số đã sử dụng trong năm	Kinh phí giảm trong năm	Kinh phí chuyển sang năm sau
Kinh phí tham gia lớp bồi dưỡng nghiệp vụ thẩm định giá nhà nước năm 2024 cho các phòng, ban, đơn vị và UBND các phường, xã		3.800.000	3.800.000	3.800.000	0	
Kinh phí tinh giản biên chế				-	0	
Kinh phí sửa chữa, khôi phục tài sản, công trình bị thiệt hại do cơn bão số 3 (đợt 1+2+3+4+5)		585.975.000	564.426.059	564.426.059	21.548.941	
Kinh phí hỗ trợ học kỳ I năm 2024-2025 cho trẻ mầm non, học sinh phổ thông.					0	
Kinh phí triển khai học bạ số		6.405.000	6.405.000	6.405.000	0	
Kinh phí thực hiện quỹ thưởng		141.930.000	141.930.000	141.930.000	0	

Thuyết minh chi tiết kinh phí hủy: Hủy dự toán số tiền là: 83.116.379 đồng. Trong đó:

+ Kinh phí tự chủ số tiền: 44.568.000 đồng do tiết kiệm 5% theo Nghị quyết số 119/NQ-CP ngày 07/8/2024 của Chính phủ;

+ Kinh phí thực hiện chế độ chính sách đối với giáo viên số tiền: 13.958.421 đồng do thay đổi phân công chuyên môn

+ Kinh phí hoạt động chung được giao 113.201.000 đồng, trong đó kinh phí tiết kiệm 5% theo Nghị quyết số 119/NQ-CP ngày 07/8/2024: 5.649.000 đồng, đơn vị đã chi vượt dự toán: số tiền 5.648.913 đồng

+ Kinh phí SCTX, bổ sung TTB trường, lớp học trong các cơ sở GD công lập số tiền: 2.260.000 đồng do tiết kiệm 5% theo Nghị quyết số 119/NQ-CP ngày 07/8/2024 của Chính phủ;

+ Kinh phí mua sắm phân tán thiết bị dạy học tối thiểu năm 2024 số tiền: 780.930 đồng do tiết kiệm 5% theo Nghị quyết số 119/NQ-CP ngày 07/8/2024 của Chính phủ;

+ Kinh phí sửa chữa, khôi phục tài sản, công trình bị thiệt hại do cơn bão số 3 (đợt 1+2+3+4+5: 21.548.941 đồng do thực hiện công tác đấu thầu nên đơn giá thực hiện thấp hơn đơn giá dự toán.

c) Nguồn thu phí, lệ phí và thu hoạt động khác:

Nội dung	Dư năm trước chuyển sang	Đợt toán giao trong năm	Số thu trong năm	Số được để lại chi (Đã trừ 40% tiết kiệm CCTL)	Số đã sử dụng trong năm	Kinh phí chuyển sang năm sau
Tổng cộng	510.588.591	0	1.399.741.689	1.399.741.689	1.899.695.372	10.634.908
- Học phí			0	0	0	
-Thu khác:	510.588.591	0	1.399.741.689	1.399.741.689	1.899.695.372	10.634.908
+ Thu BHYT (thu học sinh)			372.193.380	372.193.380	372.193.380	0
+ Học thêm tin học	19.809.063		23.053.154	23.053.154	39.016.373	3.845.844
+ Nước uống	2.734.408		51.786.248	51.786.248	54.297.232	223.424
+ Chi phí sử dụng máy điều hòa lớp học			10.771.863	10.771.863	10.771.863	0
+ Tiền ăn bán trú	347.888.909		691.052.444	691.052.444	1.033.547.395	5.393.958
+ Mua sắm bổ sung vật dụng phục vụ bán trú				0		0
+ Quản lý học sinh trong giờ bán trú	140.156.211		250.884.600	250.884.600	389.869.129	1.171.682

d) Kinh phí cải cách tiền lương:

Tên quỹ	Dư năm trước chuyển sang	Trích lập trong năm	Số đã sử dụng trong năm	Số dư chuyển năm sau
Tổng cộng	0	0	0	0
- Khen thưởng				0
- Phúc lợi				0
- Phát triển hoạt động sự nghiệp				0
- Bổ sung thu nhập, dự phòng ổn định thu nhập				0

II. Nội dung đối chiếu số liệu kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ:

- Kết quả chênh lệch thu lớn hơn chi trong năm: 304.715.829 đồng
- Sử dụng kinh phí tiết kiệm của cơ quan hành chính: 455.206.683 đồng
- Trích lập các quỹ:
- Kinh phí cải cách tiền lương:

(Số liệu chi tiết theo Mẫu biểu 2b đính kèm).

III. Nhận xét và kiến nghị:

1. Nhận xét:

a. Về chấp hành thời hạn nộp báo cáo quyết toán: Nộp báo cáo đúng thời gian quy định.

b. Về các mẫu biểu báo cáo quyết toán: Thực hiện lập các biểu mẫu báo cáo quyết toán đúng quy định.

c. Về chấp hành các quy định của Nhà nước:

- Lập dự toán thu chi ngân sách: Thực hiện đầy đủ việc lập dự toán, phân khai dự toán.

- Mua sắm, sửa chữa tài sản: Thực hiện theo Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15, Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27/02/2024 của Bộ Tài chính.

- Thực hiện công khai tài chính: Công khai dự toán thu - chi ngân sách nhà nước, số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện dự toán ngân sách nhà nước, quyết toán ngân sách nhà nước theo quy định tại Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017, Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính. Tuy nhiên, đơn vị chưa thực hiện công khai trên Cổng thông tin điện tử (đơn vị thực hiện niêm yết tại trụ sở làm việc).

- Về quy chế chi tiêu nội bộ: Đơn vị đã xây dựng và ban hành quy chế chi tiêu nội bộ tại Quyết định số 09/QĐ-THHTM ngày 16/01/2024 theo hướng dẫn tại Thông tư số 56/TT- BTC ngày 16/9/2022 của Bộ Tài chính, quy chế xây dựng mức chi vượt định mức quy định: chi tổ chức hội nghị mức chi hỗ trợ tiền ăn cho đại biểu là khách mời không trong danh sách trả lương của cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập và doanh nghiệp vượt mức quy định tại Văn bản số 5806/UBND-TM3 ngày 09/8/2017 của UBND tỉnh về việc thực hiện chế độ công tác phí, chế độ hội nghị (nhà trường xây dựng mức chi 200.000 đồng/người/ngày, cao hơn mức chi quy định là 50.000 đồng/người/ngày), tuy nhiên nhà trường chưa thực hiện chi; chưa quy định về việc xử lý vi phạm đối với các trường hợp khi sử dụng vượt mức khoán, tiêu chuẩn, định mức quy định.

- Về công tác quản lý, sử dụng tài sản công: Đơn vị đã xây dựng quy chế quản lý, sử dụng tài sản công tại Quyết định số 05/QĐ-THHTM ngày 10/01/2024 theo quy định tại Thông tư số 144/2017/TT-BTC ngày 29/12/2017 của Bộ Tài chính, tuy nhiên quy chế còn thiếu nội dung về trách nhiệm bàn giao tài sản công khi thay đổi tổ chức bộ máy, người đứng đầu... Đối với tài sản cố định, đơn vị đã mở sổ theo dõi, hạch toán và thực hiện trích khấu hao tài sản cố định theo đúng quy định. Đơn vị đã thực hiện kiểm kê tài sản theo Luật Kế toán 2015, Quyết định số 213/QĐ-TTg ngày 01/3/2024 của Thủ tướng Chính phủ; thực hiện công khai tài sản công theo quy định Thông tư số 144/2017/TT-BTC ngày 29/12/2017 của Bộ Tài chính.

- Về sổ sách, chứng từ, hạch toán kế toán: Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017 của Bộ Tài chính.

- + Sổ kế toán: Đơn vị đã thực hiện mở sổ, cơ bản có đầy đủ các loại sổ kế toán từ tổng hợp đến chi tiết để phản ánh quá trình nhận, phát sinh, sử dụng và quyết toán các nguồn kinh phí.

+ Hạch toán kế toán: Đơn vị đã thực hiện hạch toán các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo hệ thống tài khoản kế toán và mục lục NSNN.

+ Chứng từ kế toán: Cơ bản lập đầy đủ, đóng tập lưu trữ gọn gàng.

d, Về thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước, thanh tra và cơ quan tài chính: Không có kiến nghị.

e, Các khoản thu khác ngoài ngân sách: Các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục thực hiện theo Nghị quyết số 34/2021/NQ-HĐND ngày 27/08/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

f, Nhà trường khẩn trương gửi báo cáo giải trình và thực hiện việc nộp trả NSNN kinh phí chi vượt dự toán được giao, hoàn thành trước ngày 30/4/2025.

2. Kiến nghị

- Đơn vị chủ động rà soát hồ sơ, chứng từ, tài liệu có liên quan đến các nghiệp vụ kinh tế phát sinh tại đơn vị đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

- Tăng cường thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, quản lý chặt chẽ hơn nữa nguồn kinh phí của đơn vị.

- Thực hiện công khai tài chính, tài sản; kiểm kê tài sản theo đúng quy định.

Đơn vị tự chịu trách nhiệm về tính trung thực, tính chính xác, tính pháp lý của toàn bộ chứng từ, sổ sách và số liệu báo cáo quyết toán năm 2024 trước pháp luật và các cơ quan có thẩm quyền, thực hiện lưu trữ theo quy định hiện hành./. *Ufl*

Nơi nhận:

- Phòng TCKH (để p/h);
- Trường TH Hồ Tùng Mậu;
- Lưu: VT, KT.



Đào Duy Hưng